

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HN-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v “yêu cầu ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Hiếu.

2. Bà Hà Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số A ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số B ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2024, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2024, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Đ cưới nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã P), huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/01/2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, rồi dần về sau thì không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không giải quyết được mâu thuẫn xảy ra nên bà với ông Đ đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà cũng không có tới lui để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mỗi người đều có hạnh phúc mới. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với ông Đ nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên là Trần Thị Yến N, sinh ngày 27/10/1998 và Trần Thiên Đ1, sinh ngày 02/02/2004 hiện nay đều đã trưởng thành, đều có làm tạo ra thu nhập tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2024 của Tòa án, ông Trần Văn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Ông cũng đồng ý là ông với bà H cưới nhau cách nay hơn 20 năm, có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống hạnh phúc được thời gian đầu. Cách nay hơn 10 năm, vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay, hiện nay ông với bà H đều có cuộc sống riêng và cũng không còn tình cảm với nhau nữa nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: Ông đồng ý là ông với bà H có 02 con chung tên là Trần Thị Yến N, sinh ngày 27/10/1998 và Trần Thiên Đ1, sinh ngày 02/02/2004 hiện nay đều đã trưởng thành, đều có làm tạo ra thu nhập tự nuôi sống bản thân nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Trần Văn Đ. Về con chung: Chị Trần Thị Yến N, sinh ngày 27/10/1998 và anh Trần Thiên Đ1, sinh ngày 02/02/2004 hiện nay đều đã trưởng thành, đều có việc làm tạo ra thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Trần Văn Đ đều vắng mặt nhưng đều đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà H và ông Đ chỉ sống hạnh phúc được thời gian đầu. Cách nay hơn 10 năm thì bà H với ông Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do không giải quyết được mâu thuẫn nên vợ chồng chính thức sống ly thân cách nay hơn 10 năm. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng ông bà có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn, hiện nay ai cũng có gia đình riêng. Do đó, trong suốt quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đ. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2024 của Tòa án ông Đ cũng thể hiện ý kiến không còn tình cảm với bà H và cũng đồng ý ly hôn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H với ông Đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Yến N, sinh ngày 27/10/1998 và anh Trần Thiên Đ1, sinh ngày 02/02/2004 hiện nay đều đã trưởng thành, đều có việc làm tạo ra thu nhập và bà H, ông Đ cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Yến N, sinh ngày 27/10/1998 và anh Trần

Thiên Đ1, sinh ngày 02/02/2004 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004235 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, bà H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nguyễn Thị Kim H, ông Trần Văn Đ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ